

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 272/2024/HSST
Ngày: 18/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Vĩ

2. Ông Nguyễn Duy Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 276/2024/HSST ngày 27 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 272/2024/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 12 năm 2024; Thông báo hoãn phiên tòa số 276 ngày 10 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

NGUYỄN QUANG H., sinh năm 1983

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Quang H, con bà Nguyễn Thị L; Vợ: Nguyễn Thị Mai A.; Con: có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2008).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: có 01 tiền án: Ngày 20/5/2008, bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Anh **Nguyễn Văn Q.** - sinh năm 2003

Địa chỉ: Thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Đàm Kim Th.** - sinh năm 1982 (mẹ anh Q.)

2. Ông **Nguyễn Văn Đ.** sinh năm 1976 (bố anh Q.)

Đều trú tại: Thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, TP Hà Nội

Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết anh Nguyễn Văn Q., sinh năm 2003, trú tại thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội có nhu cầu mua xe máy nhãn hiệu Honda SH, 150cc nên Nguyễn Quang H., sinh năm 1983, trú tại thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội đã nảy sinh ý định lừa đảo để chiếm đoạt tiền của anh Q.. H. lên mạng internet tải hình ảnh xe máy Honda SH, màu trắng gửi cho anh Q. rồi nhắn “chú đang lấy con xe này cho HG. có được không? chú có mối quan hệ lấy xe máy Honda SH 150cc chính hãng giá gốc tại nhà máy Y. với giá 70.000.000đ, nếu mua ở cửa hàng Honda giá xe khoảng 130.000.000đ”. Anh Q. hỏi “thế mua xe này có đầy đủ giấy tờ không? Nếu không đầy đủ giấy tờ thì cháu không mua đâu”. H. nói “có đầy đủ giấy tờ xe, biển xe, hóa đơn đỏ, về chỉ việc đi”, anh Q. tin tưởng nên đồng ý mua. Ngày 07/12/2022, H. bảo anh Q. chuyển trước số tiền 22.500.000 đồng để đặt cọc mua xe, hẹn đến khoảng ngày 15/12/2022 sẽ giao xe. Chiều ngày 07/12/2022, tại sân bóng thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, anh Q. đã đưa cho H. số tiền 22.500.000 đồng. Đến ngày 15/12/2022, H. nói dối do kho để xe máy đang bị kiểm tra chưa lấy được xe, ít hôm nữa sẽ mang xe máy về cho Q.. H. tiếp tục lên mạng tải hình ảnh xe máy SH Mode gửi cho Q. bảo “chú đang có lô xe giá rẻ 31.500.000đ, cháu có lấy cho bố mẹ đi không?”. Q. tưởng thật nên nói “cháu có lấy”. H. liên tục đưa ra những thông tin gian dối và yêu cầu anh Q. tiếp tục chuyển tiền cho H. để lấy xe. Ngày 16/12/2022, H. bảo anh Q. chuyển số tiền 8.000.000 đồng vào số tài khoản 19034457185017 của Nguyễn Quang H. mở tại ngân hàng Techcombank. Ngày 16/12/2022 đến ngày 03/01/2023, anh Q. đã nhờ bố là ông Nguyễn Văn Đ. chuyển khoản cho H. 03 lần với tổng số tiền 22.500.000 đồng. Ngoài ra, từ ngày 26/12/2022 đến ngày 17/01/2023, anh Q. còn trực tiếp chuyển khoản cho H. 04 lần với tổng số tiền là 11.000.000 đồng. Anh Q. gọi hỏi H. xem lấy

được xe chưa thì V vẫn đưa ra thông tin gian dối là kho đang bị Công an theo dõi chưa lấy được xe, hẹn thêm thời gian nữa. Tổng số tiền anh Q. đã chuyển theo yêu cầu của H. là 56.000.000 đồng.

Trong thời gian anh Q. chờ H. giao xe, V tiếp tục gọi điện cho bà Đàm Kim Th. (mẹ anh Q.) yêu cầu chuyển tiền cho H. để lấy xe ra. Bà TH. đã đưa cho Nguyễn Duy HG (sinh năm 2004) và Nguyễn Khánh L. (sinh năm 2008) là con của H. 12.000.000 đồng; 02 lần H. trực tiếp gặp bà TH. lấy 26.700.000 đồng. Tổng số tiền bà TH. đã đưa theo yêu cầu của H. là 38.700.000 đồng. Bà Th. khai số tiền trên của anh Q. đưa bà giữ hộ.

Quá trình điều tra làm rõ: Nguyễn Quang H. làm nghề trông hồ câu ở thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội. H. không có khả năng mua xe SH giá rẻ hơn giá thị trường. H. đã đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Q. 94.700.000 đồng. Sau khi nhận tiền của gia đình nhà anh Q., H. không liên hệ với bất kỳ cơ quan, tổ chức nào để mua xe cho anh Q.. H. đã tiêu xài cá nhân hết toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt nêu trên.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 20/9/2024, Nguyễn Quang H. đã đến trả cho gia đình anh Q. số tiền 95.000.000 đồng, anh Q. không yêu cầu đề nghị gì thêm về phần dân sự và có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho H.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo không kêu oan và xin giảm nhẹ mức hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại bản cáo trạng số 254/CT-VKS ngày 22/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn duy trì quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo.

Về dân sự: Anh Nguyễn Văn Q. đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, sau khi xem xét toàn diện lời khai của bị cáo, người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận:

Từ khoảng tháng 12/2022 đến tháng 01/2023, tại thôn L, xã L, huyện Sóc Sơn, Hà Nội, Nguyễn Quang H. nhiều lần đưa thông tin gian dối để chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn Q. tổng số tiền 94.700.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Nội dung điều luật quy định:

“Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng[...], thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...”.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vẫn cố ý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện sự coi thường pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

Bị cáo thực hiện hành vi loại tội xâm phạm về sở hữu, chiếm đoạt tiền của anh Q. các lần khác nhau, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt đã được cộng lại để xác định là

tình tiết định khung và không có lần nào chiếm đoạt từ đủ 50.000.000 đồng trở lên, vì vậy không áp dụng tình tiết phạm tội nhiều lần đối với bị cáo, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự đồng thời xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo; bị cáo có mẹ đẻ là người có công với cách mạng, được tặng Huy chương chiến sĩ vẻ vang là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 226/2008/HSST ngày 20/5/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 (giá trị tài sản bị cáo trộm cắp trong vụ án là 1.163.000 đồng). Theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 về tội “Trộm cắp tài sản” quy định số tiền chiếm đoạt phải từ đủ 2.000.000 đồng. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 quy định: Đối với các trường hợp đã áp dụng quy định có lợi của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc lùi hiệu lực thi hành của Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử mà Luật số 12/2017/QH14 không quy định là tội phạm nữa: nếu vụ án đã khởi tố, đang điều tra, truy tố, xét xử thì phải đình chỉ; trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt hoặc đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành phần hình phạt còn lại; trường hợp người bị kết án chưa chấp hành hình phạt hoặc đang được hoãn chấp hành hình phạt thì được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt.

Theo quy định tại Điểm g Khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội cũng quy định: Người đã chấp hành xong hình phạt hoặc được miễn chấp hành toàn bộ hình phạt hoặc phần hình phạt còn lại theo quy định tại các điểm d, đ và e khoản này thì đương nhiên được xóa án tích.

Hơn nữa, khoản tiền 50.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo bản án số 226/2008/HSST ngày 20/5/2008 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội là khoản tiền thi hành án chủ động nhưng cơ quan có thẩm quyền không lưu trữ hồ sơ thi hành án đối với khoản tiền này để xác định bị cáo đã thi hành khoản tiền án phí này chưa là do lỗi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Như vậy, xác định tiền án này của bị cáo đã được xóa. Bị cáo có 01 tiền án đã được xóa thể hiện bị cáo là người có nhân thân xấu nhưng tiền án của bị cáo đã được xóa cách đây nhiều năm.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Bà Đàm Kim Th., ông Nguyễn Văn Đ. có đưa tiền cho bị cáo (là số tiền anh Q. gửi giữ hộ) và được anh Q. nhờ đưa cho bị cáo nên xác định toàn bộ tài sản bị cáo chiếm đoạt là của anh Q.. Anh Nguyễn Văn Q. đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

Đối với chiếc điện thoại di động của bị cáo sử dụng vào việc liên lạc với anh Q. để chiếm đoạt tiền của anh Q., bị cáo đã làm mất nên không thu giữ được.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Sóc Sơn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Điều 135, 326, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang H. 28 (hai mươi tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 56 (năm mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Sóc Sơn;
- Công an huyện Sóc Sơn;
- THADS huyện Sóc Sơn;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Bích Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Bích Nguyệt